

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Trụ sở số 65A2, đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (0254) 3545555/3545678 - Fax: (0254) 3512121/6254490

Website: <http://www.pvshipyard.com.vn>

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2025.

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard) trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông dự họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2025 (Đại hội) như sau:

- I. Thời gian:** Khai mạc vào lúc **08h30, ngày 11/9/2025**.
- II. Địa điểm:** Trụ sở PV Shipyard, 65A2 đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh.
- III. Nội dung chương trình:**

Xem xét thông qua (tài liệu họp như link ở dưới cùng của Thông báo này):

- Chương trình Đại hội.
- Tờ trình v/v miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên HĐQT.
- Tờ trình v/v bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Tờ trình v/v sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT phù hợp hơn với quy định hiện hành.
- Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Ghi chú:

1. Để công tác chuẩn bị phục vụ Đại hội được chu đáo, kính đề nghị Quý Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội **trước 16h30 ngày 09/9/2025** cho bộ phận tiếp nhận thông tin:

Ban tổ chức Đại hội

Tel: + 84 254 354 5555 Gặp Ms. Hoàng Thị Thùy Linh – P.HCNS.

Fax: + 84 254 351 2121 Email: linhhoang@pvshipyard.com.vn

+ Khi đến dự Đại hội, đề nghị Quý Cổ đông vui lòng mang theo các giấy tờ: Thư mời họp, CCCD/Hộ chiếu bản chính hoặc app VNID tích hợp, Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền đi dự họp).

+ Cổ đông vui lòng tự túc các chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian diễn ra Đại hội.

2. Trong trường hợp số lượng cổ đông tham dự Đại hội lần 1 không đủ tỷ lệ % theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ quy định. Để tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại của các Cổ đông, Công ty sẽ tổ chức thực hiện họp Đại hội lần 2 vào 14h30 ngày 11/9/2025.

Kính mong Quý Cổ đông đăng ký tham dự đầy đủ để Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- + Như trên;
- + Ban tổ chức Đại hội (đề t/h);
- + Lưu VP.HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Bùi Thanh Nam

- Tài liệu họp Đại hội



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Trụ sở: Số 65A2, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (0254) 3545555/3545678 - Fax: (0254) 3512121

Website: <http://www.pvshipyard.com.vn>

Tài liệu đính kèm Nghị
quyết số
...../25/NQ-ĐHĐCĐ.BT
ngày/9/2025

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

(Tổ chức ngày 11/9/2025 tại Trụ sở công ty PV Shipyard)

Số tt.	Nội dung chi tiết	Thời gian
I	Đón khách và làm các thủ tục phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông	Từ 08h đến 08h30
II	Đại hội khai mạc và tiến hành họp với nội dung như sau: 1. Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự 2. Xem xét thông qua các vấn đề gồm: 2.1 Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông. 2.2 Đoàn chủ tịch, ban kiểm phiếu. 2.3 Nội dung chương trình nghị sự; Thẻ lệ biểu quyết. 2.4 Chương trình Đại hội. 2.5 Tờ trình v/v miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên HĐQT. 2.6 Tờ trình v/v bổ sung ngành nghề kinh doanh. 2.7 Tờ trình v/v sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT 2.8 Dự thảo Nghị quyết Đại hội. 3. Thông qua Nghị quyết Đại hội.	Từ 08h30
III	Bế mạc Đại hội	11h

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2025

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số: DẦU KHÍ /25/PVSY-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày tháng 8 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm, bổ nhiệm Thành viên HĐQT

**Tài liệu ĐHĐCĐ
bất thường 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (Công ty) ngày 25/04/2025; Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty ngày 24/5/2021; Quy chế quản trị nội bộ của Công ty ngày 25/4/2025;
- Xét cơ cấu tổ chức, nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Đề xuất của Trưởng Phòng HCNS,

Hội đồng Quản trị Công ty (HĐQT) nhận được Văn bản số 922/PTSC-QTNL ngày 04/6/2025 của Tổng công ty PTSC về việc công tác cán bộ. Theo đó Tổng công ty PTSC đề nghị thay đổi nhân sự thành viên HĐQT tại Công ty, cụ thể:

1. Thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty đối với ông **Nguyễn Tuấn** – Trưởng Ban Thương mại Tổng công ty.
2. Giới thiệu, bầu ông **Nguyễn Văn Dương** – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC làm thành viên HĐQT Công ty (kiêm nhiệm), thay ông **Nguyễn Tuấn**.

Theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty, việc miễn nhiệm/bổ nhiệm thành viên HĐQT thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Do đó Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất đề xuất Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua việc: (i) miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông **Nguyễn Tuấn**; (ii) bổ nhiệm ông **Nguyễn Văn Dương** làm thành viên HĐQT thay cho ông Nguyễn Tuấn.

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu HRA, VP.HĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- Cv số 922/PTSC-QTNL (copy);
- SYLL tóm tắt của Ô.N.V.Dương (copy).

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Thanh Nam

Số: **922** /PTSC-QTNL
V/v Công tác cán bộ

TP. Hồ Chí Minh, ngày **04** tháng **6** năm 2025

Kính gửi: Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần
Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)

Theo yêu cầu công việc và quy định hiện hành, Tổng Giám đốc Tổng công ty đề nghị
Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PV Shipyard triển khai các nội dung như
sau:

1. Thôi giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị PV Shipyard đối với ông **Nguyễn Tuấn** – Trưởng Ban Thương mại Tổng công ty.
2. Giới thiệu, bầu ông **Nguyễn Văn Dương** – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị PV Shipyard (kiêm nhiệm).

Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PV Shipyard triển khai thực hiện công
việc đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành, Điều lệ Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTĐU;
- NĐDV tại POS;
- Ông Nguyễn Tuấn;
- Ông Nguyễn Văn Dương;
- Lưu: VT, QTNL, NQD.

Tài liệu gửi kèm:

- SYLL TN ông Nguyễn Văn Dương.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hồ Bắc





SƠ YẾU LÝ LỊCH (TRÍCH NGANG)

SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

Họ và tên	: NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Giới tính: Nam
Ngày sinh	: 03/02/1977	Nơi sinh: Nghệ An
Dân tộc	: Kinh	Tôn giáo: Không
Quê quán	Xã Diễn Thành, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	
CCCD	: Số 040077014628 Ngày cấp: 02/07/2021	Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Nơi ở hiện nay	183/3/43 Lưu Chí Hiếu, Phường 10, TP. Vũng Tàu	
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Máy và thiết bị Công nghiệp Hoá chất dầu khí	
Ngày vào Đảng	: 27/12/2006	Chính thức: 27/12/2007
Ngoại ngữ	Anh – Trung đương C	
Lý luận chính trị		
Thương binh loại	: Không	Gia đình liệt sỹ: Không
Chức vụ Đảng	Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (POS)	
Chức vụ hiện tại	Phó Giám đốc Công ty POS	

QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

06/2000 - 05/2003 : Kỹ sư Máy và thiết bị Công nghiệp Hoá chất dầu khí, Đại Học Bách khoa Hà Nội

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

06/2002 - 06/2003 : Giám sát thi công, Tổng công ty lắp máy Việt Nam - LILAMA

07/2003 - 06/2007 : Giám sát kỹ thuật, Xưởng CKBD, Công ty TNHH 1TV Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC

07/2007 - 10/2007 : Xưởng Phó, Xưởng CKBD, Công ty TNHH 1TV Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC

10/2007 - 05/2009 : Xưởng Phó, Xưởng CKBD, Công ty TNHH 1TV Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

06/2009 - 02/2014 : Trưởng Phòng An toàn Chất lượng Công ty POS

03/2014 - 04/2020 : Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty POS

04/2020 - Nay : Phó Giám đốc Công ty POS





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**
Số: DẦU KHÍ/25/PVSY-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày tháng 8 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Tài liệu ĐHĐCĐ
bất thường 2025**

**V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế
thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (Công ty) ngày 25/04/2025; Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty ngày 24/5/2021; Quy chế quản trị nội bộ của Công ty ngày 25/4/2025;
- Xét nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Đề xuất của Giám đốc Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty (HĐQT) nhận được Tờ trình số 560/25/TTr-PVSY ngày 06/8/2025 của Giám đốc Công ty về việc đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty.
2. Sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
3. Sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty đã nghiên cứu xem xét nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung của các tài liệu nêu trên và thấy cơ bản phù hợp với quy định của Luật pháp hiện hành. Do đó Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua các dự thảo tài liệu này để Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các Bộ phận chuyên môn làm cơ sở thực hiện.

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu HRA, VP.HĐQT.

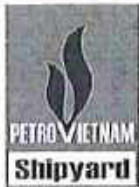
Tài liệu đính kèm:

- Tờ trình số 560 (copy).

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Bùi Thanh Nam



Số: 560 /25/TTr-PVSY

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc báo cáo tình trạng và kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông

Kính gửi: Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)

Các căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Luật Doanh nghiệp 2020);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Luật Chứng khoán 2019);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155);
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Thông tư 116);
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí sửa đổi và ban hành theo Nghị quyết số 292/25/PVSY-NQ-ĐHCD ngày 25/4/2025 (Điều lệ Công ty);
- Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí sửa đổi và ban hành theo Quyết định số 005/21/QĐ-CTGK-HĐQT ngày 24/5/2021 (Quy chế quản trị nội bộ);
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí sửa đổi và ban hành theo Quyết định số 006/21/QĐ-CTGK- HĐQT ngày 24/5/2021 (Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị).

Nhằm chuẩn bị tài liệu phục vụ cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2025 dự kiến tổ chức trong tháng 9/2025, Công ty đã tiến hành rà soát, tổng hợp các nội dung liên quan đồng thời tham chiếu các quy định pháp luật hiện hành.

Sau khi hoàn tất công tác rà soát và đối chiếu các văn bản nội bộ với các quy định pháp luật, Giám đốc kính báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất một số nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Báo cáo tình hình chung

1.1. Điều lệ Công ty

Điều lệ Công ty hiện hành được xây dựng và từng bước sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật tại từng thời điểm. Lần gần nhất được sửa đổi tại Nghị quyết 292/25/PVSY-NQ-ĐHCD ngày 25/4/2025 (trên cơ sở cập nhật, sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2020 và các nghị định, thông tư liên quan). Tuy nhiên, qua quá trình rà soát toàn diện cho thấy vẫn còn một số nội dung chưa hoàn toàn phù hợp với các quy định hiện hành, đồng thời chưa phản ánh đầy đủ cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động cũng như định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới. Ngoài ra, một số điều khoản còn thiếu tính thống nhất hoặc có nội dung mâu thuẫn, gây khó khăn trong áp dụng.

Cụ thể, tại điểm l khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty có quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị như sau:

“l. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.”

Trong khi đó, tại điểm c khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty lại quy định Hội đồng Quản trị có thẩm quyền phê duyệt:

“c. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;”

Sự không nhất quán giữa hai quy định trên về thẩm quyền phê duyệt các giao dịch liên quan đến vay nợ, bảo đảm và bảo lãnh; khi vừa áp dụng tiêu chí theo giá trị giao dịch, vừa không giới hạn về giá trị, có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau, làm giảm tính minh bạch và nhất quán trong quá trình điều hành.

Vì vậy, Giám đốc kính trình Hội đồng Quản trị xem xét các sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan để khắc phục bất cập, đồng thời bảo đảm tính thống nhất, rõ ràng và phù hợp với pháp luật cũng như định hướng hoạt động của Công ty. Tổng cộng có 11 nội dung được đề xuất chỉnh sửa, bổ sung chi tiết như nêu tại Phụ lục 1 - Bảng so sánh sửa đổi Điều lệ Công ty đính kèm.

1.2. Các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

a. Quy chế quản trị nội bộ

Quy chế này được sửa đổi và ban hành theo Quyết định số 005/21/QĐ-CTGK-HĐQT ngày 24/5/2021, hiện đang được áp dụng trên cơ sở các quy định pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, qua đối chiếu với Thông tư số 116 cho thấy Quy chế vẫn còn thiếu một số nội dung quan trọng theo yêu cầu pháp luật. Đồng thời, một số điều khoản chưa được diễn đạt rõ ràng, đầy đủ và còn chưa tuân thủ theo quy định pháp luật, ảnh hưởng đến tính minh bạch và hiệu quả trong công tác quản trị.

Đơn cử như tại điểm b khoản 5 Điều 2 của Quy chế quản trị nội bộ quy định về thời gian gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

“b. Gửi thư mời họp qua đường bưu điện hoặc email, fax đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.”

Căn cứ theo khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về thời gian gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

“1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.”

Từ dẫn chiếu nêu trên, thời hạn gửi thư mời họp nêu trong Quy chế này không phù hợp với Luật Doanh nghiệp, nguy cơ vi phạm quy định pháp luật trong quá trình thực hiện.

Công ty đã tiến hành đối chiếu toàn bộ nội dung của Quy chế với các quy định pháp luật hiện hành và nhận thấy vẫn còn tồn tại nhiều điểm sai khác, thiếu sót cần được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính hợp pháp, minh bạch và khả thi khi triển khai trong thực tế. Cụ thể, các nội dung chưa phù hợp đã được tổng hợp chi tiết tại Phụ lục 2 - Báo cáo sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, với 47 nội dung được đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

b. Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Nội dung của Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị được xây dựng tương đối tiệm cận với các quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, một số điều khoản trong Quy chế vẫn còn chưa thống nhất với quy định tại Điều lệ Công ty, điều này gây mâu thuẫn trong quá trình áp dụng.

Cụ thể, khoản 1 Điều 9 của Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị quy định về quyền đề cử thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

“Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty...”

Nhưng khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty lại quy định:

“Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Số lượng đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau: cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ trên 50% được đề cử tối đa 05 ứng viên.”

Sự khác biệt nêu trên cho thấy nội dung tại Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị chưa được xây dựng đồng bộ với quy định tại Điều lệ Công ty, dễ dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Do đó cần chỉnh sửa để bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống văn bản nội bộ của Công ty, chi tiết 6 nội dung chỉnh sửa được đề cập tại Phụ lục 3 - Báo cáo sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

2. Thẩm quyền phê duyệt

Căn cứ điểm đ và điểm 1 khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020, quy định về quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, theo đó:

- “đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;”
- “l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;”

Với dẫn chứng nêu trên, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền thông qua, phê duyệt Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội

đồng Quản trị của Công ty. Việc ban hành hoặc sửa đổi các văn bản nêu trên phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định nhằm bảo đảm thống nhất trong điều hành, phù hợp với định hướng phát triển chung và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đề xuất, kiến nghị

Trên cơ sở kết quả rà soát và nội dung sửa đổi, bổ sung đã được tổng hợp tại các Phụ lục đính kèm, đồng thời căn cứ vào thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông đối với các văn bản theo quy định pháp luật, Giám đốc kính báo cáo các nội dung như trên và trình Hội đồng Quản trị các nội dung sau:

- Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ;
- Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Các dự thảo văn bản nêu trên được đính kèm theo Tờ trình này để làm cơ sở xem xét, cho ý kiến và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường 2025 theo đúng trình tự, thẩm quyền.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BOS (để b/c);
- Lưu: VT, COM.

Tài liệu đính kèm:

- Phụ lục 1 - Bảng so sánh sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Phụ lục 2 - Bảng so sánh sửa đổi Quy chế nội bộ quản trị;
- Phụ lục 3 - Bảng so sánh sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- Bản dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Bản dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ quản trị;
- Bản dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.



GIÁM ĐỐC

Trương Duy Lâm



PHỤ LỤC 1

BẢNG SO SÁNH SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Định kèm theo Tờ trình số 560/25/TTr-PVSY ngày 06 tháng 8 năm 2025)

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
1	Khoản 3 Điều 2 quy định về địa chỉ trụ sở chính.	"Địa chỉ trụ sở chính: 65A2 Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu."	"Địa chỉ trụ sở chính: 65A2 Đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh."		Thực hiện theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Sửa đổi lại địa chỉ của Công ty.
2	Điều 4.1 quy định về ngành, nghề kinh doanh của Công ty.	"Theo thông tin ghi nhận của Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại website: https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn ."	Đề xuất bỏ.		Điều lệ Công ty ghi ngành nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký, không phải "« Theo thông tin ghi nhận của Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại website: https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn ".
3	Điều 5 quy định về phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.	"Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia; có thể hoạt động kinh doanh một số lĩnh vực khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty."	"Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật."	"Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật."	Theo quy định pháp luật, Công ty chỉ được kinh doanh các ngành, nghề đã đăng ký và được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua không có giá trị thay thế thủ tục đăng ký bổ sung ngành nghề. Nếu Công ty có kinh doanh lĩnh vực khác thì phải sửa đổi quy định về ngành, nghề của Công ty tại Điều lệ.
4	Khoản 3 Điều 7 quy định về chứng nhận cổ phiếu.	"3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu."	"3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu."	Quy định pháp luật không có quy định cụ thể về số ngày, tùy thuộc quy định của doanh nghiệp.	Điều chỉnh lại quy định tại điều khoản này để thống nhất về số ngày trong toàn bộ nội dung điều khoản, bảo đảm tính nhất quán và thuận tiện trong việc áp dụng vào thực tế.



ha

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
5	Điều 10 quy định về thu hồi cổ phần.	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>"1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo."</p>	Đề xuất bỏ.	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).</p> <p>"1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo."</p>	Căn cứ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC quy định rằng đối với Điều 10 này chỉ áp dụng đối với trường hợp khi mới đăng ký thành lập doanh nghiệp. Vì vậy, không cần thiết phải giữ lại điều khoản này tại Điều lệ.
6	Khoản 4 và khoản 5 Điều 22 quy định về thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	<p>"4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; ..."</p>	<p>"4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; ..."</p>	<p>"4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;..."</p>	Khoản 4 Điều 22 và điểm a khoản 5 Điều 22 trùng lặp nội dung vì vậy kiến nghị bỏ khoản 4 Điều 22.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
7	Khoản 1 Điều 25 quy định về ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.	"...Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Họ tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị và số cổ phần phổ thông đang nắm giữ."	"...Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Họ tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị và số cổ phần phổ thông đang nắm giữ; f) Các thông tin khác; g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)."	"...Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)."	Bổ sung thêm nội dung phù hợp với điểm f, điểm g được quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.
8	Điều 26 quy định về thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.	"1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị tối đa 05 năm kể từ ngày được bầu và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Hoặc do không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. 5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. 6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty."	"1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 05 người, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị tối đa 05 năm kể từ ngày được bầu và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Mọi cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị. 4. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tối thiểu số lượng thành viên không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) theo quy định pháp luật. 5. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Hoặc do không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. 6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. 7. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty."	Căn cứ theo form Điều lệ mẫu được quy định theo Thông tư 116/2020/TT-BTC như sau: "1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là [...] người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác]. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. [Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp], cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 05 người, Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. [Đối với công ty niêm yết] Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;..."	Căn cứ theo khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần như sau: "1. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây: a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát; b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành." Mặc dù hiện tại Công ty đang hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, nhưng theo quy định pháp luật hiện hành, chỉ các công ty cổ phần áp dụng mô hình tại điểm b khoản 1 Điều 137 mới bắt buộc phải có thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Pháp luật không quy định bắt buộc công ty cổ phần hoạt động theo mô hình tại điểm a phải có hoặc không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Vì vậy, Bộ phận kinh doanh đề xuất bổ sung thêm quy định về thành viên Hội đồng Quản trị độc lập để đảm bảo tối ưu tính linh hoạt cho cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
9	Khoản 3 Điều 27 quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.	<p>"3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>c. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>d. Các khoản đầu tư không thuộc hoặc vượt kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>e. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>f. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>g. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;</p> <p>h. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình."</p>	đề xuất bỏ.		<p>Quy định tại khoản 3 Điều 27 hiện tại đang áp dụng theo Thông tư 95/2017/TT-BTC. Hiện tại Thông tư này đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Thông tư 116/2020/TT-BTC ban hành hướng dẫn Nghị định 155/2020/NĐ-CP về quản trị công ty đại chúng, có hiệu lực từ ngày 15/02/2021. Việc áp dụng Thông tư đã hết hiệu lực gây mâu thuẫn trong quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều 27, ví dụ:</p> <p>điểm 1 khoản 2 Điều 27 quy định về quyền hạn của Hội đồng Quản trị: "Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ..."</p> <p>Tuy nhiên, điểm c khoản 3 Điều 17 cũng quy định về vấn đề để Hội đồng Quản trị phê chuẩn: "việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty."</p> <p>Bên cạnh đó, các điều khoản khác được quy định tại khoản 3 Điều 27 này cũng đã được đề cập tại khoản 2 Điều 27. Vì vậy để tránh trùng lặp ý, Bộ phận đề xuất bỏ điều khoản này.</p>
10	Khoản 7 Điều 35 quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.	<p>"7. Đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật DN và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật DN thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật DN;</p> <p>b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;</p> <p>c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty."</p>	<p>"7. Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này.</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.</p> <p>c. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.</p> <p>d. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.</p> <p>e. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.</p> <p>f. Tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty."</p>	<p>Căn cứ quy định tại Luật doanh nghiệp 2020:</p> <p>Điều 88. Doanh nghiệp nhà nước:</p> <p>"1. Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, bao gồm:</p> <p>a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;</p> <p>b) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.</p> <p>Điều 101. Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc, Tổng giám đốc</p> <p>1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này.</p> <p>2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.</p> <p>3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.</p> <p>4. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.</p> <p>5. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.</p> <p>6. Tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty."</p>	Sửa đổi lại cho phù hợp với cơ cấu tổ chức của PV Shipyard và quy định pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện Giám đốc.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
11	Khoản 6 Điều 42 quy định về trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi.	<p>"6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị các giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị các giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan."</p>	<p>"6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị các giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị các giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan."</p>	<p>Căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020: "2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết."</p>	<p>Căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành, đây được xác định là giao dịch với người có liên quan. Do đó, đề xuất điều chỉnh tỷ lệ áp dụng đối với loại giao dịch này lên mức 35%, nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>Việc giữ ngưỡng tỷ lệ ở mức 20% có thể dẫn đến vướng mắc trong thực tiễn. Cụ thể, trong trường hợp quy định pháp luật cho phép giao dịch với người có liên quan có giá trị dưới 35% được thông qua theo trình tự của Hội đồng quản trị, nhưng Điều lệ Công ty lại đặt ngưỡng thấp hơn (20%), thì các giao dịch phát sinh có giá trị nằm trong khoảng từ trên 20% đến dưới 35% sẽ không được xử lý rõ ràng, dễ phát sinh tranh chấp hoặc gây khó khăn trong quá trình triển khai.</p> <p>Ngoài ra, việc quy định 20% này sẽ gây mâu thuẫn sai khác so với quy định tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 27 Điều lệ này quy định về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị; và - Điều 12 Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.





PHỤ LỤC 2
BẢNG SO SÁNH SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

(Đính kèm theo Tờ trình số 560/25/TTr-PVSY ngày 06 tháng 8 năm 2025)

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
1	Các điều khoản.	Điều 2 quy định về Đại hội đồng cổ đông. Điều 3 quy định về Hội đồng Quản trị. Điều 4 quy định về Ban kiểm soát. Điều 5 quy định về Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị. Điều 6 quy định về Giám đốc. Điều 7 quy định về các hoạt động khác. Điều 8 quy định về hiệu lực.	Chương II: quy định về Đại hội đồng cổ đông. Chương III: quy định về Hội đồng Quản trị. Chương IV: quy định về Ban Kiểm soát. Chương V: quy định về Giám đốc. Chương VI: quy định về các hoạt động khác.		Sửa đổi và sắp xếp lại các điều khoản thành các Chương riêng biệt nhằm đảm bảo tính hệ thống, rõ ràng và thuận tiện cho việc theo dõi, áp dụng trong công tác quản trị nội bộ. Việc phân chia thành các Chương giúp thể hiện đầy đủ nội dung của từng nhóm quy định quan trọng như: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác, đồng thời phù hợp với bố cục thông lệ trong Điều lệ.
2	Điều 2.1 quy định về "Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông."	"1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông theo quy định trong Luật Doanh nghiệp, và Điều lệ Công ty."	"1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ/Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; m) Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật khi cần thiết. n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật."	Căn cứ theo quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020. và Điều 15 Điều lệ Công ty hiện hành quy định về quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.	Liệt kê các điều khoản để đồng nhất và đầy đủ rõ ràng theo quy định pháp luật và quy định Điều 15 Điều lệ Công ty.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
3	Bổ sung các trường hợp Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường		"Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ Công ty; d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty."	Căn cứ theo Điều 140.1 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: "1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng Quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này; d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
4	Bổ sung điều khoản quy định về thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông đối với các trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.		"1.3 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 1.2.b Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Khoản 1.2.c và Khoản 1.2.d Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. 1.4 Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1.3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. 1.5 Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 11.2 (Điều lệ trước khi sửa: Điều 12.2 hiện hành) Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông."	Căn cứ theo Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: "1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. 2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty. 3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty. 4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. "	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
5	Bổ sung điều khoản quy định về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.		"2.1 Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. 2.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông."	Căn cứ theo Điều 141.1 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông: "1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
6	Bổ sung thêm "Quyền của cổ đông" tại khoản 2.4 quy định về thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.		"Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu."	Căn cứ theo Điều 141.3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông: "3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
7	Sửa đổi thời gian gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.	Gửi thư mời họp qua đường bưu điện hoặc email, fax đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức Đại hội , tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán mà Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết.	Căn cứ Điều 143.1 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: "1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
8	Bổ sung quy định về tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.	"Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp gửi cho cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Trong trường hợp tài liệu họp không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thì thông báo mời họp phải ghi rõ địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải các tài liệu để cổ đông có thể tiếp cận và nghiên cứu nội dung các tài liệu này."	Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên; c) Phiếu biểu quyết; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Căn cứ Điều 143.3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông: "3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b) Phiếu biểu quyết. 4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
9	Bổ sung quy định về "4. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông".		<p>"5.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p> <p>5.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên quy định tại Điều 11.2 (Điều lệ trước khi sửa: Điều 12.2 hiện hành) Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5.3 Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5.2 Điều này.</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 11.2 Điều lệ Công ty.</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>5.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>"1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

ha

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
10	Bổ sung quy định về "6. Việc ủy quyền cho người đại diện hợp Đại hội đồng cổ đông".		<p>"6.1 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 15 (trước khi sửa đổi: Điều 16 Điều lệ hiện hành) Điều lệ Công ty.</p> <p>6.2 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>6.3 Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>"1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
11	Bổ sung quy định về "8. Điều kiện tiến hành"		<p>"8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>8.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>8.4. Theo đề nghị của chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>"1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật này."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
12	Bổ sung thêm một số điểm tại Điều 2.7 quy định về cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết.	<p>- Khi tiến hành đăng ký cổ đông dự họp, công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội, Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trong Đại hội phải tổng hợp lập thành Biên bản số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Kết quả biểu quyết sẽ được Chủ tọa thông báo sau khi cổ đông tiến hành biểu quyết và Ban kiểm phiếu hoàn thành xong việc kiểm phiếu. Trong trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>- Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua người được ủy quyền tại Đại hội, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình Đại hội.</p>	<p>9.1 Khi tiến hành đăng ký cổ đông dự họp, công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.</p> <p>9.2 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội, Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trong Đại hội phải tổng hợp lập thành Biên bản số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Kết quả biểu quyết sẽ được Chủ tọa thông báo sau khi cổ đông tiến hành biểu quyết và Ban kiểm phiếu hoàn thành xong việc kiểm phiếu. Trong trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>9.3 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>9.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	Căn cứ Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
13	Bổ sung quy định về "Điều kiện để nghị quyết được thông qua".		<p>"10.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>10.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 12.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>10.3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>10.4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>10.5. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử."</p>	<p>Căn cứ Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua:</p> <p>"1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định..."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
14	Sửa đổi, bổ sung điều khoản quy định về "Cách thức phân đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông".	Thực hiện theo quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	<p>11.1 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 11.2 (trước khi sửa đổi: Điều 12.2 DL hiện hành) Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại điều 10.4 Điều này và Điều 20.3 (trước khi sửa đổi: Điều 21.3 DL hiện hành) Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>11.2 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Căn cứ Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định:</p> <p>"Điều 151. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
15	Sửa đổi, bổ sung quy định về "Lập biên bản họp và công bố Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông".	<p>"- Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi Biên bản và Nghị quyết và đọc nội dung dự thảo trước Đại hội để thông qua tại cuộc họp.</p> <p>- Biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty.</p> <p>- Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại Đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty tối thiểu 10 năm kể từ ngày ban hành.</p> <p>- Bản sao biên bản và nghị quyết được công bố trên website của công ty và cổng thông tin điện tử của UBCKNN trong thời hạn 48 giờ.</p> <p>- Công ty phải tổ chức công bố thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán."</p>	<p>12.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi Biên bản và Nghị quyết và đọc nội dung dự thảo trước Đại hội để thông qua tại cuộc họp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>"i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>12.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp .</p> <p>12.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>12.4 Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>12.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại Đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty tối thiểu 10 năm kể từ ngày ban hành.</p> <p>12.6 Bản sao biên bản và nghị quyết được công bố trên website của công ty và cổng thông tin điện tử của UBCKNN trong thời hạn 48 giờ.</p> <p>12.7 Công ty phải tổ chức công bố thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>"1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
16	Bổ sung quy định về "Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản".		<p>"1. Ngoại trừ Đại hội đồng cổ đông thường niên, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều này.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>2.1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2.2. Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến</p> <p>f) đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>g) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p> <p>2.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>2.5. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề."</p>	Căn cứ theo Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
17	Bổ sung quy định về "Điều 5: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến".		"Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng Quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện."	Căn cứ khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định: "3. Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty."	Hiện nay, pháp luật chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp giữa hội nghị trực tiếp và trực tuyến. Tuy nhiên, pháp luật vẫn yêu cầu công ty đại chúng phải quy định trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty nội dung liên quan đến việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, nhằm bảo đảm cổ đông có thể tham dự, phát biểu ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các phương thức điện tử hợp pháp khác. Do đó, việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp sẽ được thực hiện theo quy chế do Hội đồng Quản trị xây dựng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai.
18	Bổ sung quy định về "Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị"		"1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. c. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó. d. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. e. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc. f. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. g. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác. h. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty. i. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp. j. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ."	Căn cứ Điều 153.2 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.	Sửa đổi, bổ sung đồng nhất với quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty hiện hành về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
			<p>l. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>m. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.</p> <p>n. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</p> <p>o. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.</p> <p>p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.</p> <p>q. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông."</p>		
19	Bổ sung quy định về "Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị".		<p>"1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 05 thành viên, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p> <p>b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc."</p>	<p>Căn cứ Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>"1. Hội đồng Quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p> <p>4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật và đồng nhất với quy định tại Điều lệ Công ty.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
20	Sửa đổi, bổ sung các quy định về "Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị"	"Thực hiện theo quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty."	" Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty."	Căn cứ Điều 155.1 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị: "1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; c) Thành viên Hội đồng Quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác; d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì thành viên Hội đồng Quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
21	Sửa đổi, bổ sung quy định về "Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị"	"Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều. Phiếu bầu ..."	"Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Phiếu bầu"	Căn cứ Điều 148.3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua: "3. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
22	Sửa đổi, bổ sung Điều 3.5 quy định về "Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị"	"Thực hiện theo quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty."	<p>"6.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.</p> <p>6.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>6.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5.1 và khoản 5.2 Điều này.</p> <p>6.4 Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất. "</p>	<p>Căn cứ theo Điều 160.1 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>"1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
23	Sửa đổi, bổ sung Điều 3.6 quy định về "Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị"	"- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán."	<p>"7.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);</p> <p>e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);</p> <p>f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>7.1 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán."</p>	<p>Căn cứ Điều 274.1 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố:</p> <p>"a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);</p> <p>đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có)."</p> <p>và</p> <p>Căn cứ Điều 11.1 (l) Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định:</p> <p>"Điều 11. Công bố thông tin bất thường</p> <p>1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:..."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
24	Bổ sung quy định về "Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị"		<p>"8.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>8.2 Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>8.3 Bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn xin từ chức, Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới theo quy định."</p>	<p>Căn cứ Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p> <p>và</p> <p>Căn cứ Điều 157.1 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Cuộc họp Hội đồng Quản trị:</p> <p>"1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
25	Bổ sung quy định về "Tổ chức họp Hội đồng Quản trị"		<p>"1. Hội đồng Quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.</p> <p>2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường:</p> <p>2.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.</p> <p>b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác.</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>2.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2.1 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị."</p>	<p>Căn cứ Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về cuộc họp Hội đồng Quản trị:</p> <p>"1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
26	Sửa đổi, bổ sung Điều 3.8 quy định về "Thông báo họp Hội đồng Quản trị"	<p>"- Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát ít nhất 07 ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó.</p> <p>- Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận. Thông báo mời họp và tài liệu về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp có thể được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được đăng ký tại công ty."</p>	<p>"3.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>3.2 Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 157.6 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Cuộc họp Hội đồng Quản trị:</p> <p>"6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
27	Bổ sung quy định về "Quyền dự họp của thành viên Ban kiểm soát"		<p>"Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 157.7 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định:</p> <p>"7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
28	Sửa đổi, bổ sung tại Điểm Điểm 3.10 quy định về "Cách thức biểu quyết"	<p>"- Thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>- Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>- Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của Thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>- Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>- Ban Kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>- Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp."</p>	<p>"Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>6.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp</p> <p>6.2 Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này.</p> <p>6.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>6.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>6.5 Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.</p> <p>6.6 Ban Kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>6.7 Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>6.8 Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của Thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 157.9 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>"9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;..."</p> <p>và</p> <p>Căn cứ Điều 291.4 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về ngăn ngừa xung đột lợi ích:</p> <p>"4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
29	Bổ sung quy định về "Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng Quản trị"		"Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận."	<p>Căn cứ theo Điều 157.9 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định:</p> <p>"9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;..."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
30	Sửa đổi, bổ sung tại Điểm 3.12 quy định về "Lập biên bản họp Hội đồng Quản trị"	Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp và có thể các thành viên tham dự cùng ký tên. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh.	<p>Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>9.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.</p> <p>9.2 Thời gian, địa điểm họp.</p> <p>9.3 Mục đích, chương trình và nội dung họp.</p> <p>9.4 Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.</p> <p>9.5 Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>9.6 Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.</p> <p>9.7 Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</p> <p>9.8 Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>9.9 Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.</p> <p>9.10 Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng Quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ khoản 9.1 đến 9.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>9.11 Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>9.12 Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị</p> <p>Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>9.13 Thẩm quyền và thể thức, trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.</p> <p>10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng Quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ khoản 9.1 đến 9.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Căn cứ theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Biên bản họp Hội đồng Quản trị:</p> <p>"1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
31	Bổ sung quy định về "Vai trò, quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát"		<p>"1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</p> <p>1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>1.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</p> <p>1.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này.</p> <p>1.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>1.7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>1.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>1.9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>1.10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>1.11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1.12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>1.13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>1.14. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>1.15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Giám đốc và cổ đông.</p> <p>1.16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>Căn cứ theo Điều 104 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>"a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;</p> <p>b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty;</p> <p>c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty;</p> <p>d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, Quy chế quản trị nội bộ/Quy chế nội bộ về quản trị công ty khác của công ty;</p> <p>đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;</p> <p>e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan;</p> <p>g) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;</p> <p>h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên;</p> <p>i) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ công ty."</p> <p>Căn cứ theo Điều 105 LDN 2020 quy định về quyền của Ban kiểm soát:</p> <p>"1. Tham gia các cuộc họp Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành công ty.</p> <p>2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.</p> <p>3. Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty.</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
			<p>1.17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>1.18. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>1.19. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>1.20. Có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>1.21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>2.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>2.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.</p> <p>2.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>2.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2.1 đến 2.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.</p> <p>2.6. Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả."</p>	<p>4. Yêu cầu người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>6. Quyền khác quy định tại Điều lệ công ty."</p>	
32	Bổ sung quy định về "Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát "		<p>"1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>1.2. Ban kiểm soát bao gồm một Trưởng ban và các Thành viên Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban kiểm soát."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 65.1 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên:</p> <p>"1. Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
33	Sửa đổi, bổ sung Điểm 4.1 quy định về "Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát"	"- Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó."	"2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; 2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; 2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người quản lý khác; 2.4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty; 2.5. Không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó."	Căn cứ theo Điều 103.3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên ban kiểm soát: "a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc; b) Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty; c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; thành viên Hội đồng thành viên của công ty; Chủ tịch công ty; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của công ty; d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
34	Bổ sung quy định về "Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát"		"7.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 7.2 Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 7.17.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty."	Căn cứ theo Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên: "Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát; 2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
35	Bổ sung quy định về "Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc"		<p>"1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>2.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;</p> <p>2.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;</p> <p>2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>2.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>2.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;</p> <p>2.6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</p> <p>2.7. Tuyển dụng lao động;</p> <p>2.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>2.9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị."</p>	<p>Căn cứ Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:</p> <p>"3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị."</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
36	Sửa đổi, bổ sung quy định về "Nhiệm kỳ của Giám đốc"	"Nhiệm kỳ của Giám đốc tối đa 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động."	"1.1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế."	Căn cứ Điều 162.2 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về nhiệm kỳ của Giám đốc: "Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
37	Sửa đổi, bổ sung Điểm 6.1 quy định về: "Các tiêu chuẩn của Giám đốc"	"- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty."	<p>"a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty."</p>	Căn cứ Điều 162.5 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
38	Sửa đổi Điều 6.2 quy định về "bổ nhiệm Giám đốc Công ty"	<p>2. Việc bổ nhiệm Giám đốc công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống quản lý của công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. - Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc. - Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 	"Việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc Công ty: - Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc. "	Căn cứ theo Điều 63.2 (đ) Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty như sau: "đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;"	<p>Quy định của Quy chế hiện hành bao gồm nhiều nội dung vượt ra ngoài phạm vi của điều khoản về bổ nhiệm và ký hợp đồng với Giám đốc Công ty, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung "Hệ thống quản lý của công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị..." là nguyên tắc chung về cơ cấu quản trị, không phù hợp để quy định tại điều khoản này, và sẽ được bố trí tại điều khoản khác hợp lý hơn trong Điều lệ hoặc trong các quy chế nội bộ. - Quy định "Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, công ty được tuyển dụng người điều hành khác..." liên quan đến tổ chức bộ máy điều hành cấp dưới và thẩm quyền tuyển dụng, bổ nhiệm các chức danh khác ngoài Giám đốc. Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của điều khoản đang xem xét và sẽ được bố trí tại điều khoản riêng hoặc trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty. - Nội dung về "tiền lương, thù lao, lợi ích, nhiệm kỳ của Giám đốc" tiếp tục được kế thừa nhưng được sắp xếp lại cho phù hợp với trình tự, logic của điều khoản mới.
		<p>3. Ký hợp đồng lao động với Giám đốc công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Nhiệm kỳ của Giám đốc tối đa 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. - Hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc." 			
39	Sửa đổi, bổ sung Điểm 6.5 quy định về "Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng Giám đốc công ty"	"- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc công ty, người điều hành doanh nghiệp theo quy định trong Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán."	"Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc Công ty phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán."	Căn cứ theo Điều 296 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty: "Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
40	Sửa đổi, bổ sung quy định về "Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc"	"- Tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Nhiệm kỳ của Giám đốc tối đa 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. - Hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc."	"5.1 Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. 5.2 Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên."	Căn cứ theo Điều 163.2 và 163.3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định như sau: "c) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên."	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
41	Sửa đổi, bổ sung Điểm 7.1 quy định về "Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây"	"- Hội đồng Quản trị sẽ mời Trưởng Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có thể mời thêm Giám đốc và hoặc một số Người điều hành doanh nghiệp khác tham dự một số cuộc họp Hội đồng Quản trị. Trưởng Ban Kiểm soát và Người điều hành được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết (trừ trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc công ty). Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ gửi thông báo kết quả cuộc họp này cho Trưởng Ban Kiểm soát và Giám đốc trong thời gian 10 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc. - Tại các phiên họp của Ban Kiểm soát có nội dung quan trọng, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và hoặc một số Người điều hành doanh nghiệp khác tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan."	"1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc. 1.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. 1.2. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có thể mời Ban Giám đốc hoặc Người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. 1.3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này. 1.4. Tại các phiên họp định kỳ, đột xuất của Ban điều hành, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể quyết định mời Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải lập thành biên bản và gửi về Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát để báo cáo. "	Căn cứ theo Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Cuộc họp Hội đồng Quản trị. và Căn cứ theo Điều 30 Điều lệ hiện hành quy định về cuộc họp Hội đồng Quản trị.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
		<p>Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất 05 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng Ban Kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng Quản trị và Giám đốc trong thời gian 10 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc. Ban Kiểm soát thông báo kịp thời với Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát, đồng thời làm việc với Hội đồng Quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>- Tại các phiên họp của Ban điều hành (hay những Người điều hành doanh nghiệp) có nội dung quan trọng, Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất 05 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. ..."</p>			
42	Sửa đổi, bổ sung Điều 7.4 quy định về "Các trường hợp Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị"	<p>"- Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác, nội dung văn bản đó phải nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận mang tính chất khẩn cấp và ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển công ty. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty.</p> <p>- Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của công ty;</p> <p>b. Trong phạm vi quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Hội đồng Quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của công ty;</p> <p>c. Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty ủy nhiệm là Đại diện thương mại..."</p>	<p>"4.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a) Giám đốc hoặc ít nhất 03 người điều hành khác;</p> <p>b) Ban kiểm soát.</p> <p>4.2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 4.1 trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị xuất họp bằng văn bản của Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác, nội dung văn bản đó phải nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận mang tính chất khẩn cấp và ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 4.1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 157.3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định:</p> <p>"3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>..."</p>	<p>Nội dung quy định: "- Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn: a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của công ty; ..." là một phần thuộc quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, do đó sẽ được sắp xếp vào điều khoản riêng quy định về Hội đồng Quản trị tại Chương III, thay vì đề cập tại điều khoản này.</p>

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
43	Sửa đổi Điểm 7.5 quy định về "Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao" Điểm 7.6 quy định về "Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát"	<p>"5. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:</p> <p>- Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng Quản trị tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và khi được yêu cầu.</p> <p>6. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:</p> <p>- Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của công ty, Giám đốc gửi cho Hội đồng Quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 05 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.</p> <p>- Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với tình hình hoạt động của công ty.</p> <p>- Giám đốc chuẩn bị các báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính hàng quý, nửa năm, hàng năm của công ty để trình Hội đồng Quản trị thông qua.</p> <p>- Các nội dung khác Giám đốc cần xin ý kiến của Hội đồng Quản trị phải được gửi trước ít nhất 05 ngày làm việc và Hội đồng Quản trị sẽ phản hồi trong vòng 05 ngày tiếp theo.</p> <p>- Trong trường hợp cấp thiết Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc, người điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty..."</p>	<p>"5.1 Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng Quản trị tại cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và khi được yêu cầu.</p> <p>5.2 Giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị về các vấn đề sau: các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động quản trị Công ty theo quy định tại Nghị quyết Phân cấp thẩm quyền của Hội đồng Quản trị; Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty, cổ đông và thị trường, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác.</p> <p>5.3 Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng Quản trị.</p> <p>5.4 Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất theo yêu cầu."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:</p> <p>"3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị."</p>	Vì nội dung của hai điều khoản tương đồng nên được hợp nhất và rà soát lại cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
44	Bổ sung quy định về "Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc"		"Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và các công việc thuộc phạm vi được Hội đồng Quản trị phân cấp hoặc ủy quyền. Đồng thời, Giám đốc có nghĩa vụ báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình thực hiện, bao gồm các nội dung đã triển khai, chưa triển khai và kết quả thực hiện theo yêu cầu. Hội đồng Quản trị cũng có thể ủy quyền cho Giám đốc thực hiện các công việc khác tùy từng thời điểm phù hợp với nhu cầu quản trị và điều hành của Công ty."	<p>Căn cứ theo Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:</p> <p>"b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;"</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.

STT	Điều khoản	Quy định của Điều lệ hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều lệ	Quy định pháp luật	Diễn giải
45	Sửa đổi, bổ sung Điểm 7.7 quy định về "Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc"	<p>"- Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và Thành viên Ban điều hành khác (Người điều hành khác) sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.</p> <p>- Trưởng hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban điều hành có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.</p> <p>- Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền truy vấn thông tin, số liệu, hồ sơ của công ty trực tiếp qua các cán bộ công nhân viên phụ trách chuyên môn của các phòng ban trong công ty. Trao đổi trực tiếp, gián tiếp giữa các thành viên Ban Kiểm soát để làm sáng rõ vấn đề quan tâm, phục vụ lợi ích chung."</p>	<p>7.1 Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: Hội đồng Quản trị đảm bảo rằng tất cả tài liệu, thông tin về nội dung họp, tài liệu liệu, biên bản họp, nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; các báo cáo của Giám đốc và người điều hành khác trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành, được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp với thành viên Hội đồng Quản trị. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>7.2 Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc: Giám đốc và người điều hành khác thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của Công ty. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến công việc mà thành viên Ban kiểm soát được phân công thực hiện. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Giám đốc và người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất. Các văn bản báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng Quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>7.3 Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị được quyền yêu cầu Giám đốc và các đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị và quy định pháp luật. Giám đốc có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng Quản trị bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Hội đồng Quản trị."</p>	<p>Căn cứ theo Điều 153.2 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị. Căn cứ Điều 63.2 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về quyền và nghĩa vụ của Giám đốc. Căn cứ Điều 105 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về quyền của Ban kiểm soát.</p>	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
46	Bổ sung quy định về "Công bố thông tin"		<p>"1. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.</p> <p>2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Công ty.</p> <p>b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ."</p>	Căn cứ theo nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty đại chúng theo quy định Luật Chứng khoán 2019.	Sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật.
47	Bổ sung quy định về "Bổ sung, sửa đổi Quy chế"		<p>"1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty."</p>	Căn cứ điểm 1 khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020: "l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ/Quy chế nội bộ về quản trị công ty; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;"	Nêu rõ thẩm quyền bổ sung, sửa đổi của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.



PHỤ LỤC 3

BẢNG SO SÁNH SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Bảng kèm theo Tờ trình số 560/25/TT-PVSY ngày 06 tháng 8 năm 2025)

STT	Điều khoản	Quy định của QC hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại QC	Quy định pháp luật	Diễn giải
1	Khoản 2 Điều 1 quy định về phạm vi và đối tượng áp dụng.	"2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của cho Hội đồng Quản trị, đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ, nhân viên có liên quan của Công ty."	"2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của cho Hội đồng Quản trị, đối với các thành viên Hội đồng Quản trị."	"2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của cho Hội đồng Quản trị, đối với các thành viên Hội đồng Quản trị."	Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị được ban hành nhằm quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và phương thức hoạt động của Hội đồng Quản trị. Do đó, đối tượng áp dụng của Quy chế này chỉ bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, không bao gồm Ban Giám đốc và cán bộ, nhân viên liên quan của Công ty.
2	Khoản 1 Điều 9 quy định về cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.	"1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử. 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật."	"1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Số lượng đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau: cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ trên 50% được đề cử tối đa 05 ứng viên. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử. 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật."	"1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử. 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật."	Sửa đổi đồng nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty quy định về ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.
3	Điều 11 quy định về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.	"1.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; d) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; e) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc; f) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; ..."	Bổ sung: "1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; d) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; e) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc; f) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; ..."	Căn cứ theo Thông tư 116 quy định: "Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:..."	Bổ sung theo quy định pháp luật tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.
4	Sửa đổi khoản 2 Điều 17 quy định về trình báo cáo hằng năm.	"2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đôngĐại hội đồng cổ đông thường niên."	"2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đôngĐại hội đồng cổ đông thường niên."	"2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đôngĐại hội đồng cổ đông thường niên."	Sửa đổi theo quy định pháp luật tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.

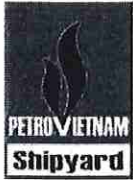


he

STT	Điều khoản	Quy định của QC hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại QC	Quy định pháp luật	Diễn giải
5	Điều 21 quy định về mối quan hệ với Ban Điều hành.	<p>Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành</p> <p>"1. Hội đồng Quản trị bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng Quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng Quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>3. Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng tháng, quý, năm Giám đốc báo cáo bằng văn bản hoặc chỉ đạo Bộ phận liên quan gửi báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty cho Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp đặc biệt, Giám đốc có thể báo cáo nhanh Hội đồng Quản trị về các vấn đề cấp bách cần giải quyết hoặc chưa có trong chương trình công tác của Hội đồng Quản trị</p> <p>4. Giám đốc đầu mối chỉ đạo, quản lý, phối hợp xử lý, theo dõi các thông tin gửi đến Người đại diện vốn, Hội đồng Quản trị, các nội dung, công việc ngoài hoặc trên thẩm quyền của Giám đốc và hỗ trợ, đôn đốc Bộ phận liên quan xử lý các thông tin, công việc đạt tiến độ, yêu cầu, tránh bỏ sót hoặc chậm tiến độ công việc.</p> <p>5. Các thông tin, công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho Hội đồng Quản trị, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những thông tin, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến công tác quản lý phải được sao gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình Hội đồng Quản trị do Giám đốc chủ trì.</p> <p>7. Tại các phiên họp Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời các Phó Giám đốc hoặc Người đại diện của Công ty tại các Đơn vị (Chủ tịch, Giám đốc) có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu cần).</p> <p>8. Ban Điều hành và người quản lý Công ty chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.</p> <p>9. Trong trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban Điều hành và người quản lý Công ty phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp phụ trách mảng công việc, lĩnh vực đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời."</p>	<p>Điều 20. Mối quan hệ của Hội đồng Quản trị với Giám đốc</p> <p>"Với vai trò quản trị, Hội đồng Quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc thực hiện. Đồng thời, Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.</p> <p>Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị với Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ/Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p> <p>Hội đồng Quản trị bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn lực để Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực bắt buộc thi hành. Trong trường hợp có quan điểm khác nhau giữa Hội đồng Quản trị và Giám đốc về một vấn đề, quyết nghị của Hội đồng Quản trị được ban hành là quyết định cuối cùng Giám đốc phải tuân theo. Giám đốc được quyền bảo lưu quan điểm và miễn trừ trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh (nếu có) liên quan đến quyết định nêu trên..</p> <p>Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị để thực hiện nhiệm vụ được phân công."</p>	<p>Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành</p> <p>"Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết."</p>	Sửa đổi, bổ sung quy định tại điều khoản này để tinh gọn lại cho phù hợp với quy định pháp luật và tránh chồng chéo với các quy định khác.

STT	Điều khoản	Quy định của QC hiện hành	Sửa đổi, bổ sung các quy định tại QC	Quy định pháp luật	Diễn giải
6	Bổ sung các quy định về thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.		<p>- Bổ sung quy định về nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập tại Điều 5 Quy chế này:</p> <p>"Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục."</p> <p>- Bổ sung quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập tại Điều 6 Quy chế này:</p> <p>"2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</p> <p>e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan."</p>	<p>Căn cứ khoản 2 Điều 5 tại Quy chế mẫu thuộc Thông tư 116 quy định về nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập:</p> <p>"2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục."</p> <p>Căn cứ khoản 2 Điều 6 tại Quy chế mẫu thuộc Thông tư 116 quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập:</p> <p>"2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</p> <p>e) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan."</p>	





CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số: DẦU KHÍ/25/PVSY-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 16 tháng 8 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Tài liệu ĐHĐCĐ
bất thường 2025**

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh “Đại lý Tàu biển”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh; Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (Công ty) ngày 25/04/2025; Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty ngày 24/5/2021; Quy chế quản trị nội bộ của Công ty ngày 25/4/2025;
- Căn cứ nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế tại Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard); Tờ trình số 587/25/TTr-PVSY ngày 16/8/2025 của Giám đốc Công ty đề xuất bổ sung ngành nghề kinh doanh “Đại lý tàu biển”,

Theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Do đó Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất đề xuất Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung như sau:

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh “Đại lý tàu biển”; Giao Giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo Bộ phận chuyên môn làm việc với cơ quan quản lý để hoàn tất thủ tục đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Ghi bổ sung ngành nghề nêu trên vào danh mục ngành nghề kinh doanh tại Điều lệ Công ty.

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu HRA, VP.HĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- TTr số 587 (copy).

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Bùi Thanh Nam



TỜ TRÌNH
Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh “Đại lý Tàu biển”

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Luật Doanh nghiệp 2020);
- Căn cứ Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh;
- Căn cứ nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế tại Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard);
- Căn cứ Tờ trình số 360/25/TTr/HRA ngày 15/8/2025 của Phòng TM&PTKD và Phòng HCNS về việc thành lập Tổ đại lý tàu biển và bổ sung ngành nghề kinh doanh “Đại lý tàu biển” Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí.

Hiện PV Shipyard đã và đang triển khai kinh doanh khai thác Cảng biển trong đó bao gồm tiếp nhận tàu, thuyền, giàn khoan của Việt Nam và nước ngoài vào/ra để neo đậu, đóng mới, sửa chữa và các dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, cung cấp vật tư, thiết bị... Cụ thể, từ năm 2017-2022 thực hiện tiếp nhận giàn khoan Murmanskaya, tàu chuyên dụng chở cầu kiện điện gió đến 34.000 DWT, tiếp nhận các sà lan loadout dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, năm 2023 thực hiện neo đậu và sửa chữa giàn khoan Tam Đảo 03, loadout dự án Ponti cho sà lan Dongbang Giant, năm 2024 và 2025 thực hiện neo đậu và sửa chữa giàn khoan Avrora, loadout 33 chuyên dự án CHW2204 cho các tàu chuyên dụng đến 50.000 DWT... Các công việc này có doanh thu tốt, đóng góp vào kết quả SXKD chung của Công ty.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện dịch vụ liên quan đến khai thác Cảng, PV Shipyard mặc dù là chủ sở hữu Cảng nhưng không có chức năng cung cấp dịch vụ “Đại lý tàu biển” nên ngoài những kết quả đạt được, còn gặp nhiều vướng mắc và hạn chế như sau:

- **Chậm trễ về thông tin:** Do đặc thù công tác khai thác phương tiện vận tải biển/thủy, chủ phương tiện thường không liên hệ trực tiếp với chủ Cảng mà sẽ thông qua một bên thứ ba (Đại lý tàu biển) để thay mặt làm việc, dẫn đến khi Đại lý tàu biển liên hệ với PV Shipyard thì một số dịch vụ đã được thống nhất trước đó làm hạn chế về cung cấp dịch vụ đi kèm của PV Shipyard trong khi các dịch vụ đó PV Shipyard có thể cung cấp.
- **Không tối ưu về doanh thu:** Do chậm trễ về thông tin và phải thông qua đơn vị thứ ba (Đại lý tàu biển) nên không tối ưu được các dịch vụ có thể cung cấp cho khách hàng, từ đó dẫn đến thất thoát về doanh thu.
- **Chưa phục vụ Ban Dự án/Khách hàng được tốt nhất:** Chưa hỗ trợ được các Ban Dự án làm việc trực tiếp từ đầu với Khách hàng để có thể tiếp cận chủ phương tiện (tàu/sà lan hạ thủy lớn, giàn khoan tự nâng, tàu hàng tổng hợp...) nhằm tham gia chuỗi cung ứng dịch vụ và tối ưu hóa chi phí cho Khách hàng cũng như Ban dự án.

Dự báo nhu cầu dịch vụ Cảng trong thời gian tới rất lớn, Công ty cần phát huy tiềm năng về nhân lực và cơ sở vật chất của PV Shipyard trong lĩnh vực dịch vụ Cảng (bao gồm sửa chữa giàn khoan), từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng doanh thu từ hoạt động khai thác Cảng, giảm thiểu thời gian quay vòng của Tàu cũng như tối ưu hóa sử dụng cơ sở hạ tầng Cảng, tận dụng cơ hội để tăng giá trị trong lĩnh vực kinh doanh, khai thác Cảng.

Vì vậy, Giám đốc Công ty kính trình Hội đồng Quản trị xem xét thông qua chủ trương bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh “Đại lý tàu biển” vào ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BOM;
- COM;
- Lưu: VT, HRA.

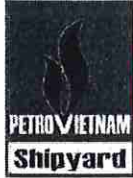
Tài liệu đính kèm:

- Tờ trình số 360/25/TTr/HRA ngày 15/8/2025.



GIÁM ĐỐC

Trương Duy Lâm



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO
GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số: 25/PVSY-ĐHĐCĐ.BT

DỰ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 11 tháng 9 năm 2025

Tài liệu ĐHĐCĐ
bất thường 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (Công ty) ngày 25/04/2025; Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty ngày 24/5/2021; Quy chế quản trị nội bộ của Công ty ngày 25/4/2025; Biên bản họp số /25/BBH-ĐHĐCĐ.BT ngày 11/9/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 Công ty (Đại hội),

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua nội dung đã trình tại Đại hội, cụ thể như sau:

- 1.1 Tờ trình v/v miễn nhiệm, bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị, cụ thể:
 - + Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty đối với ông **Nguyễn Tuấn** - Trưởng Ban Thương mại Tổng công ty PTSC, theo đề nghị của Tổng công ty PTSC.
 - + Bầu ông **Nguyễn Văn Dương** – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC làm thành viên HĐQT Công ty (kiêm nhiệm) thay ông **Nguyễn Tuấn**, theo đề nghị của Tổng công ty PTSC.
- 1.2 Tờ trình v/v bổ sung ngành nghề kinh doanh Đại lý Tàu biển.
- 1.3 Tờ trình v/v sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 2. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội.

Điều 3. Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các Bộ phận liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Gửi các CQ liên quan (copy);
- Lưu HRA.

Bùi Thanh Nam